

Số: 119 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận Một cửa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022.

Quyết định này bãi bỏ nội dung các thủ tục hành chính có mã như sau: 2.001242, 2.000835 được công bố tại Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018; mã 1.007956, 1.007957 được công bố tại Quyết định số 2658/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4.TPThảo, TTGSNH6.NKHuyên. *m*

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-NHNN ngày 27 tháng 1 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A	Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				
1	2.001242	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	Thông tư số 28/2021/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	2.000835	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thông tư số 28/2021/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
3	1.007956	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Thông tư số 28/2021/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

B	Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố				
4	1.007957	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố	Thông tư số 28/2021/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không chấp thuận.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước bổ sung các văn bản quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ **Bước 5:** Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ **Bước 6:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02a.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;
- b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;
- c) Năng lực tài chính của các cổ đông góp vốn thành lập, thành viên góp vốn;
- d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng dự kiến trong 03 năm đầu tiên;
- đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:
 - (i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;
 - (ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;
 - (iii) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.
- e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;
- g) Công nghệ thông tin:
 - (i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;
 - (ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - (iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;
 - (iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;
 - (v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;
 - (vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin.

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện.

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau:

+ Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành;

+ Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác.

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động, các báo cáo tài chính của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan

có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến.

6. Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp kể năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp tại ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật kèm theo hộ chiếu của người đại diện vốn góp.

7. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam:

a) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 06.

b) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;

d) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

đ) Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng;

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập ngân hàng;

g) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

h) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, thành viên sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

+ Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục 03; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

+ Báo cáo tài chính 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo tài chính này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

i) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức.

8. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật; hợp đồng thoả thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

10. Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

- Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

- Đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Các văn bản bổ sung sau khi được chấp thuận nguyên tắc:

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua.

+ Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các thành viên sáng lập.

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại.

+ Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài quy định tại điểm i khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN đã được Hội đồng thành viên thông qua.

+ Báo cáo của thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm g khoản 2 Điều 9 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ đánh giá chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 10 Thông tư số 40/2011/TT-

NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản

+ Danh mục tài liệu.

Ngoài các hồ sơ nêu trên, Ban trụ bị thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.

+ Ngoài các hồ sơ nêu trên, Ban trụ bị thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ gồm 01 bộ tiếng Việt và 01 bộ tiếng Anh

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục 01a ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** 140.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng (Phụ lục số 02a)

+ Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 03)

+ Bảng kê khai người có liên quan (Phụ lục số 06)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng.

+ Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có hoạt động lành mạnh, đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có, tình hình tài chính, các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật các tổ chức tín dụng.

+ Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong vòng năm (05) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ *Tổ chức tín dụng nước ngoài có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:*

(i) *Triển vọng từ mức ổn định trở lên;*

(ii) *Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Rating) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's). Trường hợp tổ chức xếp*

hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài có lãi trong năm (05) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đôla Mỹ vào cuối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác.

(iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân để góp vốn.

(iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(v) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(vi) Kinh doanh có lãi trong năm (05) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(viii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của pháp luật.

(ix) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật.

(x) Trường hợp là ngân hàng thương mại: Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

+ Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ *Thông tư 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà*

nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ...(đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày...tháng...năm....về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng... thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng ...đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:
5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số CMND, số hộ chiếu.	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:
- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng.

...,ngày...tháng...năm...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng ...

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Nơi ở hiện nay:
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.
- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp là cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mỗi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Tôi,.....xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

**Xác nhận của cấp có thẩm quyền
của đơn vị công tác hoặc chính
quyền nơi cư trú**

..., ngày...tháng...năm...

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

<i>STT</i>	<i>Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “người có liên quan”</i>	<i>Mối quan hệ với người khai</i>	<i>Đã tham gia thành lập ngân hàng</i>		<i>Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...</i>
			<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc ...			
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân.

2. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được lập theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không chấp thuận.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước bổ sung các văn bản quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

+ **Bước 5:** Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ **Bước 6:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ các lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 02b.

2. Đề án thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Sự cần thiết thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, nội dung hoạt động, thời gian hoạt động, vốn được cấp khi thành lập;

c) Sơ đồ tổ chức, danh sách nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với các quy định tại Điều 89 Luật các tổ chức tín dụng; danh sách nhân sự dự kiến phải mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực quản lý rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí;

d) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

đ) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin.

e) Khả năng đứng vững và phát triển của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó chứng minh được lợi thế của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích rõ việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện.

g) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đó, các báo cáo tài chính của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

3. Điều lệ của ngân hàng mẹ.

4. Sơ yếu lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 có xác nhận của ngân hàng mẹ; Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng.

Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến.

5. Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cấp cho ngân hàng mẹ.

6. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về ngân hàng mẹ như sau:

a) Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng năm (05) năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

7. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng mẹ (bao gồm cả hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm (05) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của ngân hàng mẹ.

9. Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với ngân hàng mẹ trong thời hạn sáu (06) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

10. Văn bản của ngân hàng mẹ bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam; đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn được cấp của chi nhánh không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

11. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của ngân hàng mẹ cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

12. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký về việc cử Ban trụ bị và ủy quyền cho Trưởng Ban trụ bị .

Các văn bản bổ sung sau khi được chấp thuận nguyên tắc:

+ Văn bản bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do đại diện theo pháp luật của ngân hàng mẹ ký;

+ Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm g khoản 2 Điều 17 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN được ngân hàng mẹ thông qua.

+ Văn bản của Cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ đánh giá ngân hàng mẹ đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ khoản 2

Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản.

13. Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ gồm 01 bộ tiếng Việt và 01 bộ tiếng Anh.
- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài *(theo mẫu tại Phụ lục 01b1 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-NHNN)*.
- **Lệ phí:** 1.000.000 đồng
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
 - Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục số 02b).
 - Sơ yếu lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến (Phụ lục số 03).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**
 - + Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;
 - + Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - + Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.
 - + Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà ngân hàng mẹ đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;
 - + Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

+ Ngân hàng mẹ không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong vòng năm (05) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

+ Ngân hàng mẹ được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

+ *Ngân hàng mẹ có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:*

(i) *Triển vọng từ mức ổn định trở lên;*

(ii) *Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Rating) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's). Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings.*

+ Ngân hàng mẹ có lãi trong năm (05) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

+ Ngân hàng mẹ được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

+ Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đôla Mỹ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.

+ Ngân hàng mẹ phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ *Thông tư 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Nay, Ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài với các nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh.
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:
5. Vốn được cấp:
6. Danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nêu rõ họ, tên).
7. Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Sau khi được cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

...,ngày...tháng...năm...

**Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài ký, đóng
dấu và ghi đầy đủ họ tên**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ
chiếu
(4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Nơi ở hiện nay:
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.
- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp là cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mọi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Tôi,.....xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày...tháng...năm...

**Xác nhận của cấp có thẩm quyền
của đơn vị công tác hoặc chính
quyền nơi cư trú**

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

3. Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung theo đề nghị cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ **Bước 3:** Sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

✓ Thực hiện thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của Giấy phép theo quy định của pháp luật;

✓ Công bố những thay đổi của Giấy phép trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

✓ Ngân hàng thương mại phải thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi, cấp bổ sung.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đơn cần có cam

kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ;

✓ Danh mục các nội dung hoạt động theo Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận này.

+ Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ. Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, trong đơn cần có nội dung báo cáo về việc Ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ.

✓ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) ngân hàng thương mại nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

✓ Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán vào Giấy phép, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép.

+ Đối với trường hợp đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký trong đó có đầy đủ các nội dung quy định tại đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép nêu trên;

✓ Các thành phần hồ sơ quy định đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép);

+ Giấy phép (trường hợp cấp đổi, cấp đổi đồng thời bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép) *theo mẫu tại Phụ lục 01b1 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-NHNN.*

- **Lệ phí:**

+ Lệ phí cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, hoặc đồng thời cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép của Ngân hàng thương mại: 70.000.000 đồng

+ Lệ phí cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, hoặc đồng thời cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi; đồng thời, điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01a, 01b ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

+ Đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; hoạt động kinh doanh vàng miếng; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với các nội dung hoạt động quy định tại *khoản 26 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục 01a)* và *khoản 24 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục*

01b1) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18c Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành ngân hàng;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của

tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ *Thông tư 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng.

4. Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh thành phố nơi đặt trụ sở chính.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung theo đề nghị cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ **Bước 3:** Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

✓ Thực hiện thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của Giấy phép theo quy định của pháp luật;

✓ Công bố những thay đổi của Giấy phép trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện và có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ;

✓ Danh mục các nội dung hoạt động theo Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận này.

+ Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần

nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung và có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ. Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, trong đơn cần có nội dung báo cáo về việc Ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ.

✓ Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

✓ Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán vào Giấy phép, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép.

+ Đối với trường hợp đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký trong đó có đầy đủ các nội dung quy định tại đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép nêu trên;

✓ Các thành phần hồ sơ quy định đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép);

+ Giấy phép (trường hợp cấp đổi, cấp đổi đồng thời bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép) *theo mẫu tại Phụ lục 01b2 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-NHNN.*

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi; đồng thời, điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01a, 01b ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

+ Đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; hoạt động kinh doanh vàng miếng; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với các nội dung hoạt động quy định tại *khoản 24 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập* chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 01b2) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18c Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành ngân hàng;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ *Thông tư 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.*

